

CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VIỆT NAM TRONG TIẾN TRÌNH ĐỔI MỚI

VÂN HÀ
giới thiệu

Với hơn ba mươi năm nghiên cứu khoa học, GS. TS. Hoàng Chí Bảo tập trung nghiên cứu sâu các lĩnh vực lý luận và lịch sử về CNXH, đặc biệt là sự vận động và phát triển của CNXH hiện thực (từ sau Cách mạng tháng Mười Nga đến chính biến ở Liên Xô cuối thế kỷ XX), đến tiến trình đổi mới của đất nước. Một phần kết quả nghiên cứu đó được thể hiện qua bộ sách (gồm ba tập) được giới thiệu dưới đây. Mỗi tập trong bộ sách là một công trình nghiên cứu độc lập, nhưng đều hướng tới chủ đề về nhận thức lý luận CNXH và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam, đều xoay quanh hai câu hỏi lớn của cùng một vấn đề: CNXH là gì? và Xây dựng CNXH như thế nào? Dưới đây là những nội dung chính của bộ sách.

Tập 1: Giá trị bền vững và sức sống của Chủ nghĩa Marx-Lenin và CNXH khoa học

Với chín chuyên luận nghiên cứu, tác giả làm rõ:

Marx-Engels là những nhà sáng lập ra CNXH khoa học vào nửa sau của thế kỷ XIX. Các ông đã đặt nền móng cho lý luận khoa học về CNXH và con đường đi tới CNXH, CNCS của giai cấp vô sản cách mạng và quần chúng lao động trên toàn thế giới. Học thuyết, chủ nghĩa mà các ông sáng tạo ra là một bước ngoặt trong sự phát triển của tư tưởng nhân loại. Quan niệm duy vật về lịch sử và học thuyết về giá trị thặng dư của Marx được Engels đánh giá là những phát minh vạch thời đại.

Marx-Engels đã nêu lên một hệ thống các nhân tố cấu thành nội dung



của quan niệm phát triển xã hội từ kinh tế, chính trị đến tư tưởng và văn hóa. Phát triển thông qua cách mạng và hướng vào mục tiêu giải phóng con người và

xã hội. Khoa học, cách mạng và nhân văn là những đặc trưng giá trị trong triết lý phát triển xã hội của các ông.

Còn Lenin, cuộc đời và sự nghiệp của ông cũng vô cùng phong phú, sôi động và oanh liệt, gắn liền với bao sự kiện và những bước ngoặt lớn của sự

phát triển lịch sử thế giới, sự sinh thành nước Nga cách mạng, sự xuất hiện thời đại mới với bước chuyển CNXH từ lý luận đến thực tiễn. Lenin đã để lại những dấu ấn không thể phai mờ trong lịch sử thế giới hiện đại và những tư tưởng của ông về phát triển xã hội, về CNXH là vô giá.

Nếu Marx-Engels tập trung nghiên cứu hình thái kinh tế-xã hội TBCN trong điều kiện lịch sử ở nửa sau thế kỷ XIX, khi CNTB còn là CNTB tự do cạnh tranh, thì Lenin đã trực tiếp quan sát bước chuyển của CNTB từ tự do cạnh tranh sang độc quyền, lũng đoạn, phát triển CNDQ ở cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX. Ông đã vạch ra những đặc điểm cơ bản của CNDQ, làm sáng tỏ bản chất kinh tế và chính trị của nó. Nếu Marx-Engels đã luận chứng sâu sắc về tính tất yếu phải diệt vong của CNTB và cũng một tất yếu như vậy đối với sự ra đời, thắng lợi của CNXH, CNCS; đã phát hiện ra vai trò lịch sử thế giới của giai cấp vô sản cách mạng, dự báo về cách mạng vô sản nổ ra ở hàng loạt nước TBCN đã phát triển ở trình độ cao, thì Lenin lại nhìn thấy *những cái mới xuất hiện* ở thời đại mình, đã thấy tính chất phát triển không đều của CNTB và khả năng chín muồi một tình thế cách mạng ở những mắt xích xung yếu nhất của CNDQ. Và, cách mạng vô sản có thể nổ ra ở một số nước, thậm chí ở một nước, ở những nước mà CNTB mới chỉ phát triển trung bình, mới hình thành các quan hệ TBCN mà cũng có thể ở những nước chậm phát triển, còn lạc hậu, còn tồn tại các quan hệ tiền tư bản. Tư tưởng của Lenin đặt cơ sở cho lý luận khoa học về quá độ tới CNXH không qua CNTB, tức là lý luận về *con đường phát triển rút ngắn tới CNXH*.

Về giá trị bền vững và sức sống của CNXH khoa học trong thời đại ngày nay, tác giả nêu rõ, CNXH khoa học được nhận thức vừa theo nghĩa rộng - thống nhất với nội dung và phương pháp của Chủ nghĩa Marx-Lenin, trùng hợp với Chủ nghĩa Marx-Lenin, vừa theo nghĩa hẹp - với tư cách là một trong ba bộ phận hợp thành của Chủ nghĩa Marx-Lenin. Hai điều căn bản làm cơ sở cho việc luận chứng về giá trị và sức sống của CNXH khoa học trong thời đại ngày nay, theo tác giả, là: thứ nhất, Lenin trong khi có những kiến giải và kết luận khác với Marx-Engels trên nhiều vấn đề cụ thể về khả năng xuất hiện cách mạng vô sản, về xây dựng CNXH, nhưng Lenin vẫn trung thành một cách nhất quán với những bậc tiền bối của mình về quan điểm - lý luận và phương pháp. Thứ hai, để nhận rõ những giá trị bền vững và sức sống của CNXH khoa học trong thời đại ngày nay, cần phải xem xét những giá trị ấy (trong hình thức biểu đạt lý luận của chúng như những nguyên lý và quy luật, những khái niệm, phạm trù và tư tưởng) trong tính thống nhất giữa lý luận và thực tiễn, logic và lịch sử.

Theo đó, *những giá trị bền vững của CNXH khoa học*, tác giả chỉ ra, là: 1/ Phương pháp luận khoa học nghiên cứu về CNXH của các nhà kinh điển mácxít là một trong những giá trị căn bản, hàng đầu của CNXH khoa học. 2/ Bản chất, mục tiêu, động lực phát triển của CNXH được kiến giải từ phương pháp tiếp cận hệ thống, từ một chủ nghĩa duy lý khoa học gắn liền với chủ nghĩa nhân văn cao cả, đó là chân giá trị của CNXH khoa học.

Để làm sáng tỏ những nội dung được nêu trong tập sách, tác giả đã phân tích và xem xét Cách mạng tháng Mười Nga như là sự thẩm định và phát triển lý

luận CNXH, đã soi sáng con đường cách mạng của các dân tộc và sự nghiệp đổi mới của Việt Nam.

Kết thúc tập 1 là phân tích tổng luận về bản chất khoa học và cách mạng của Chủ nghĩa Marx-Lenin.

Tập 2: CNXH hiện thực và quá độ lên CNXH ở Việt Nam

Tập này gồm sáu chuyên luận.

Phân tích lịch sử, lý luận, hiện trạng và triển vọng của CNXH hiện thực, tác giả nhận định, CNXH hiện thực là CNXH đã ra đời qua thực tiễn, đã trở thành



thực tế, đã định hình thiết chế và thể chế của một xã hội mới, một chế độ xã hội kiểu mới. Nó cũng bao hàm nghĩa là CNXH đang phát sinh, phát triển, hoàn thiện như một cơ thể sống đã trưởng thành. Nó cũng đồng nghĩa với quá trình xây dựng, đổi mới, điều chỉnh để phát triển trên những cơ sở của chính nó là nằm trong lịch sử hình thành và phát triển của CNXH hiện thực. Với trường hợp Việt Nam, đổi mới dẫn đến sự hình thành nhận thức mới về CNXH, về những đặc trưng của CNXH và xác định được con đường, bước đi, phương hướng xây dựng CNXH phù hợp với thực tiễn Việt Nam. Có thể nói CNXH Việt Nam từng bước sinh thành trong đổi mới là một CNXH hiện thực mới. Nó có nhiều điểm khác về cơ bản so với CNXH trước đổi mới từ nhận thức, mô hình, đến phương thức quản lý, cơ chế, chính sách. Chủ thể lãnh đạo, cầm quyền là Đảng Cộng sản Việt Nam cũng thông

qua tự đổi mới mà tự thay đổi, phát triển chính mình đáp ứng yêu cầu mới.

Quá độ lên CNXH bỏ qua chế độ TBCN là khả năng, là xu hướng phát triển tất yếu của các nước lạc hậu, tiên tư bản trong thời đại ngày nay. Lựa chọn con đường phát triển này, khẳng định tính tất yếu này của sự lựa chọn để phủ định một sự lựa chọn khác - đó là giác ngộ cái tất yếu, là kết quả nhận thức tự giác, khoa học của chủ thể. Nhận thức một khả năng đồng thời là nhận thức những điều kiện để thực hiện khả năng ấy. Đây là những vấn đề cơ bản thuộc về lý luận của CNXH khoa học, của sự nghiệp xây dựng CNXH ở Việt Nam.

Những đặc điểm của con đường quá độ của Việt Nam sẽ là cái *quy định* và *kiểm chứng* sự phù hợp của những biện pháp, giải pháp cũng như kế hoạch và bước đi. Những đặc điểm của con đường quá độ lên CNXH ở Việt Nam được tác giả rút ra và làm sáng tỏ, gồm:

Thứ nhất, con đường quá độ lên CNXH bỏ qua chế độ TBCN ở Việt Nam là con đường phát triển rút ngắn. Để thích ứng với loại hình phát triển rút ngắn đó, cần phải áp dụng phương thức quá độ gián tiếp, tiến dần từng bước tới CNXH.

Thứ hai, con đường quá độ lên CNXH ở Việt Nam bỏ qua chế độ TBCN diễn ra trong bối cảnh quốc tế đầy biến động, thời cơ lớn để phát triển đi liền với những thách thức nghiệt ngã trong phát triển. Để giữ vững định hướng XHCN và xây dựng thành công CNXH, Đảng Cộng sản cầm quyền phải tỏ rõ bản lĩnh chính trị vững vàng cùng với trình độ phát triển cao về năng lực trí tuệ và tổ chức nhằm phát huy tối đa nội lực dân tộc trong xây dựng CNXH và bảo vệ chế

độ XHCN ở Việt Nam, tận dụng được thời cơ, vượt qua được thách thức.

Thứ ba, con đường lên CNXH ở Việt Nam bỏ qua chế độ TBCN đòi hỏi sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa nhiệt tình và ý chí cách mạng với trí thông minh và tài năng sáng tạo của cả dân tộc, vận dụng tổng hợp các nguồn lực để đưa nước ta ra khỏi cửa ải đói nghèo, lạc hậu, trở thành một nước công nghiệp, một xã hội phồn vinh, hiện đại, đảm bảo cho các thế hệ người Việt Nam một cuộc sống văn minh và hạnh phúc.

Bước vào thời kỳ đổi mới, Đảng ta xác định: đổi mới theo *định hướng XHCN*. Khái niệm “định hướng XHCN”, về mặt lý luận, ở cấp độ khái quát và định tính có thể được xem là *tương đương, đồng nghĩa với khái niệm quá độ lên CNXH*. Bởi, nói tới định hướng XHCN, nếu hiểu một cách thực tiễn và trực tiếp thì có thể nói, với định hướng XHCN, *CNXH còn đang ở phía trước, còn đang trong quá trình sinh thành, nó là một xu hướng phát triển nhiều hơn là những thực thể đã định hình, nhiều hơn là một hiện thực đã ở dạng đầy đủ*. Với định hướng XHCN, đó là định hướng ở tất cả các mặt, các lĩnh vực của đời sống xã hội; Cũng như vậy, thời kỳ quá độ lên CNXH cũng chỉ biểu đạt tính chất và ý nghĩa của một quá trình chuyển tiếp xã hội từ trạng thái cũ sang trạng thái mới, là quá trình chuẩn bị những điều kiện, tiền đề để xã hội bước vào xây dựng, tổ chức quản lý làm cho CNXH định hình.

Từ *định hướng* tới *định hình*, đó là thời gian lịch sử của thời kỳ quá độ với nhiệm vụ cụ thể, với những khác nhau về trọng điểm ở mỗi giai đoạn, về nội dung và cả bước đi. Ý nghĩa của việc xác định đó là ở chỗ, việc hoạch định và áp dụng các giải pháp, biện pháp phải *phù*

hợp với yêu cầu và tính chất của mỗi giai đoạn, mỗi bước đi của thời kỳ quá độ.

Phân tích và làm rõ mối quan hệ giữa đổi mới theo định hướng XHCN với định hình CNXH ở Việt Nam, tác giả cho rằng: về mặt phương pháp nhận thức khoa học, “định hướng XHCN” có thể hiểu như phương pháp phân tích định tính về CNXH trong tương quan biện chứng với phương pháp phân tích định lượng về CNXH thuộc về thuật ngữ “định hình CNXH”. “Định hướng XHCN” và “định hình CNXH” có quan hệ mật thiết, nội tại, bên trong giữa quan điểm - lý luận và phương pháp. Chúng quy định, phản ánh và chế ước lẫn nhau. Nếu “định hướng XHCN” hướng vào câu hỏi “CNXH là gì?” thì “định hình CNXH” hướng chủ yếu vào câu hỏi “xây dựng CNXH như thế nào?”. Như vậy, “định hình CNXH” là sự cụ thể hóa khái niệm “định hướng XHCN”, là sự triển khai về mặt lý luận và thực hành trong thực tiễn lý luận đó làm cho CNXH dần dần trở thành hiện thực thông qua tổ chức, xây dựng một cách tự giác và sáng tạo của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Hồ Chí Minh là nhà mác-xít sáng tạo lớn của cách mạng Việt Nam. Hồ Chí Minh không chỉ nhận thức và vận dụng đúng đắn, sáng tạo CNXH khoa học do các nhà kinh điển của Chủ nghĩa Marx vạch ra, mà Người còn phát triển, làm phong phú thêm lý luận và phương pháp của CNXH khoa học từ thực tiễn cách mạng Việt Nam. Trong chuyên luận “Tư tưởng Hồ Chí Minh về CNXH và xây dựng CNXH ở Việt Nam” tác giả đã phân tích và làm sáng rõ những tư tưởng này của Người.

Phần cuối tập sách, tác giả bàn đến “Giá trị XHCN trong thế giới đương đại”

với những bối cảnh và tình hình mới ngày nay.

Tập 3: Từ thực tiễn đổi mới đến nhận thức lý luận mới về CNXH ở Việt Nam (1986-2011)

Tập này được kết cấu thành hai phần lớn với năm chương.

Phần thứ nhất: Đổi mới để phát triển - một quyết sách chiến lược của Đảng Cộng sản Việt Nam

Thực hiện *đổi mới* ở Việt Nam theo đường lối Đại hội VI của Đảng năm 1986 cũng chịu tác động chung của tình hình thế giới đối với các nước XHCN lúc đó (đó là: tác động của khoa học và công nghệ đã làm thay đổi căn bản tới sản xuất và đời sống xã hội; toàn cầu hóa kinh tế gắn liền với quá trình tiếp xúc, giao lưu, đối thoại giữa các nền văn hóa - một xu thế khách quan và phổ biến; cuộc khủng hoảng của CNXH hiện thực và vấn đề thời đại). Bên cạnh đó, *đổi mới* còn được thúc đẩy bởi những đòi hỏi bức xúc, chín muồi của tình hình trong nước, nhất là cuộc khủng hoảng kinh tế-xã hội ở những năm 1980 (đó là: cách mạng Việt Nam chuyển sang một giai đoạn mới, giai đoạn xây dựng và phát triển đất nước theo di huấn của Hồ Chí Minh; hậu quả nặng nề của chiến tranh và những khó khăn, phức tạp mới nảy sinh sau chiến tranh; những khuyết điểm, sai lầm trong chỉ đạo thực hiện đường lối, trong chủ trương, chính sách làm tăng thêm những khó khăn phức tạp của tình hình kinh tế-xã hội, làm trầm trọng thêm cuộc khủng hoảng ở nước ta trước đổi mới; những bước đột phá lớn dẫn tới đổi mới và làm chín muồi nhận thức và quyết sách đổi mới của Đảng).

Có thể nói, đổi mới là một thời cơ lớn, một cơ may, một vận hội lớn để phát

triển đối với đất nước và dân tộc. Để làm rõ điều này, tác giả phân tích khái lược lý luận chung về thời cơ với những biểu hiện cụ thể của nó - những điều kiện thuận lợi chủ yếu từ thực tiễn 25 năm đổi mới vừa qua, là:



- Chiến tranh Lạnh kết thúc, một xu hướng chung trên thế giới là hầu hết các nước đều *chuyển từ đổi mới đầu chính trị sang cạnh tranh phát triển kinh tế*, nhất là khi

chuyển sang nền kinh tế thị trường.

- Trong xu thế phát triển mạnh mẽ và sâu sắc của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ, các nước phát triển đi trước đều đứng trước nhu cầu bức xúc là *đổi mới cơ cấu kinh tế trong nước, chuyển vốn đầu tư và xuất khẩu công nghệ tới các nước đang phát triển*.

- Từ những điều kiện thuận lợi của sự phát triển khoa học-công nghệ, xã hội thông tin và kinh tế tri thức của thế giới, Việt Nam có thể tận dụng cơ hội đó để *bỏ qua các thế hệ công nghệ trung gian, đi ngay vào các công nghệ tiên tiến* ở những lĩnh vực quan trọng, nhằm đẩy nhanh nền kinh tế và sớm bắt kịp xu thế chung của thế giới, nhất là hiện nay, khi nước ta đang đẩy mạnh công nghiệp với mô hình công nghiệp hóa kiểu mới, tiến tới hiện đại hóa không chỉ kinh tế mà còn là phát triển xã hội hiện đại.

- Ngoài ra, công cuộc đổi mới của Việt Nam còn trùng hợp về bối cảnh và thời điểm với cải tổ, cải cách trong các

nước XHCN mà nét đặc trưng nổi bật là những tác động dữ dội của cuộc khủng hoảng, suy thoái có tính phổ biến của CNXH hiện thực, đặc biệt là sự kiện đổ vỡ chế độ XHCN ở Liên Xô và Đông Âu vừa qua.

- Thời cơ phát triển đối với nước ta trong đổi mới ngoài những điều nói trên về kinh tế và kinh tế đối ngoại, về mở cửa, hội nhập, mở rộng hợp tác song phương, đa phương trong nền kinh tế thị trường, tăng cường liên kết với khu vực và thế giới để tìm kiếm các nguồn lực cho phát triển ở Việt Nam, về đổi mới tư duy *lý luận*, giữ vững định hướng *chính trị* và *hệ tư tưởng*, đảm bảo *vai trò lãnh đạo của Đảng*,... thì đổi mới còn là thời cơ để *làm mới những giá trị truyền thống, tạo ra những cái mới, tiến bộ, tích cực trong đời sống văn hóa tinh thần, trong lối sống của con người Việt Nam, sự trưởng thành về ý thức và năng lực dân chủ, sự chín muồi cho việc xây dựng nhà nước pháp quyền ở nước ta*.

Tác giả cũng chỉ rõ, thời cơ phát triển của Việt Nam là to lớn, nhưng thách thức đặt ra trên con đường phát triển cũng không kém phần nặng nề, nghiệt ngã, tập trung chủ yếu và nổi bật ở *lĩnh vực kinh tế-xã hội*, là:

- Việt Nam đang chịu sức ép lớn và có thể còn lớn hơn trong cạnh tranh kinh tế. Đây là *thách thức về điều kiện cạnh tranh* gay gắt trong kinh tế thị trường và trong quá trình hội nhập quốc tế, khi mà năng lực khoa học-công nghệ của chúng ta thấp, quản lý kinh tế còn yếu kém, hiểu biết về thị trường thế giới chưa nhiều, ít kinh nghiệm làm ăn với các đối tác.

- Thách thức trong phát triển và hội nhập của nước ta còn nằm ở *thể chế kinh tế*, mặc dù trên lĩnh vực này,

những năm qua ta đã có những cố gắng lớn và thu được ít nhiều kết quả, nhưng sẽ còn nhiều khó khăn và phức tạp.

- Những thách thức nêu trên tổng hợp lại là *thách thức trước yêu cầu phát triển nhanh và bền vững*.

Có thể nói, thời cơ và thách thức là những mặt đối lập, tách rời nhau có thể thâm nhập, đan xen vào nhau, tác động và chuyển hóa lẫn nhau, làm cho phát triển tuy là khuynh hướng phổ biến, là xu thế tiến lên của sự vật nhưng biểu hiện ra như một quá trình phức tạp, dích dắc, không đơn giản. Trong việc nhận thức và xử lý thời cơ cũng như thách thức, chúng ta phải luôn thấy rõ đặc tính khách quan và mối liên hệ chuyển hóa của nó. Không đồng nhất giản đơn thời cơ chỉ là thuận lợi, thách thức chỉ là những khó khăn.

Thực tiễn 25 năm đổi mới của Việt Nam với những thành tựu và bài học kinh nghiệm được tổng kết cho phép rút ra những kết luận bước đầu đánh dấu một chặng đường phát triển. Trên cơ sở thực tiễn đó, tác giả đã rút ra và phân tích nội dung những đặc điểm chủ yếu của đổi mới theo định hướng XHCN ở Việt Nam xét trên các bình diện *bản thể và chủ thể của đổi mới, cội nguồn phát sinh và những đột phá trong đổi mới, định hướng và định hình của đổi mới, triết lý của đổi mới, một triết lý phát triển, tính tương đối và tuyệt đối của đổi mới, “đi bất biến, ứng vạn biến” của đổi mới để phát triển ở Việt Nam*.

Phần thứ hai: Đổi mới tư duy lý luận của Đảng về CNXH và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam (1986-2011)

1. Vai trò của lý luận và tư duy lý luận đối với công cuộc đổi mới

Trong 25 năm đổi mới, Đảng ta đã trải qua 6 kỳ đại hội, từ Đại hội VI đến Đại hội X và gần đây, Đại hội XI của Đảng đã thông qua hàng loạt văn kiện quan trọng với những quyết sách chiến lược, liên quan đến tương lai, triển vọng của cả dân tộc. Các văn kiện, nghị quyết của các đại hội Đảng, các nghị quyết của Trung ương đều đặc biệt nhấn mạnh đến vai trò của lý luận, đều chú trọng việc nâng cao tiềm lực tư tưởng lý luận của Đảng.

Thực tiễn đổi mới xã hội một mặt đã cung cấp những dữ kiện để hình thành và phát triển lý luận đổi mới, tư duy mới về CNXH, mặt khác đã cho thấy ở mức độ đầy đủ hơn về tình trạng lạc hậu, bất cập của lý luận so với sự phát triển năng động của thực tiễn. Đó chính là sự lạc hậu và bất cập của lý luận về CNXH và xây dựng CNXH mang tính chất giáo điều và kinh nghiệm chủ nghĩa, cứng nhắc và thô sơ trong cách hiểu, cách vận dụng Chủ nghĩa Marx-Lenin. Trong khi đó, hoạt động thực tiễn của con người lại đòi hỏi sự soi sáng và dẫn đường của lý luận, một lý luận phản ánh đúng đắn bản chất của thực tiễn và phù hợp với sự phát triển của thực tiễn. Lý luận đó đòi hỏi phải đủ sức làm sáng tỏ rằng, lựa chọn con đường XHCN là lựa chọn một hình thức hợp lý và có triển vọng hơn cả đối với sự phát triển của xã hội, của thế giới ngày nay.

Khắc phục tình trạng chính trị hóa lý luận cũng đồng thời là từng bước thực hiện lý luận hóa, khoa học hóa chính trị, làm cho chính trị trở thành khoa học và chính trị học cũng như các khoa học chính trị thực sự là những khoa học không thể thiếu vắng trong quá trình nâng cao tiềm lực trí tuệ, lý luận và tư tưởng của Đảng.

Với quan điểm nghiên cứu lý luận Marx-Lenin cần phải làm sáng tỏ những cơ sở khoa học của đổi mới theo những định hướng đó mà không ngừng phát triển nó trên trình độ hiện đại, phù hợp với những biến đổi thực tế của tình hình trong nước và trên thế giới, dưới ánh sáng của những sự kiện, sự biến chính trị và những xu hướng tìm tòi mới về lý luận hiện nay trên thế giới, tác giả chỉ rõ, những vấn đề lý luận của Chủ nghĩa Marx-Lenin được đặt ra từ thực tiễn đổi mới cần được nghiên cứu theo quan điểm đổi mới và phát triển. Có thể nói, lý luận phát triển, lý luận về CNXH phù hợp với phát triển là vấn đề tổng quan, bao trùm nhất trong nghiên cứu lý luận hiện nay. Trên cơ sở đó, cần đi sâu nghiên cứu lý luận về các quan hệ kinh tế, chính trị, xã hội và văn hóa tinh thần của CNXH, những đặc điểm sinh thành của nó cùng với các tác động của quản lý nhằm thúc đẩy sự phát triển lành mạnh của nó trong thực tiễn.

2. Tư duy lý luận của Đảng về CNXH và xây dựng CNXH ở Việt Nam thời kỳ trước đổi mới

Trước đổi mới, quan niệm về CNXH và con đường xây dựng CNXH ở nước ta chịu ảnh hưởng sâu sắc về nhiều mặt các quan điểm của Liên Xô và Trung Quốc, phổ biến và rõ nét nhất là chịu ảnh hưởng của *mô hình Xô Viết*. Quan niệm về CNXH ở Việt Nam từ Đại hội III (năm 1960) đến trước đổi mới, với 1/4 thế kỷ (1960-1985), nổi lên các vấn đề:

Thứ nhất, nhận thức về mối quan hệ giữa độc lập dân tộc và CNXH, về tính tất yếu lịch sử của CNXH ở Việt Nam.

Có thể nói, nhận thức của Đảng về mối quan hệ giữa cách mạng giải phóng dân tộc, cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân với cách mạng XHCN trong lịch sử Đảng ta, là một nhận thức khoa học và

thể hiện rõ lập trường cách mạng triệt để, kiên định của giai cấp công nhân. Dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh, giải phóng dân tộc để giành lấy độc lập, tự do và dân chủ, xóa bỏ ách thống trị của đế quốc thực dân và phong kiến là tiền đề chính trị tiên quyết để đi tới CNXH. Xu thế phát triển khách quan của lịch sử trong thời đại cách mạng vô sản đã cho phép các dân tộc dưới sự lãnh đạo của đội tiên phong của giai cấp công nhân quá độ tới CNXH, không cần thiết phải trải qua chế độ TBCN. Tuy nhiên, cũng có những hạn chế, khiếm khuyết như: có những cách hiểu đơn giản, siêu hình, biểu hiện ở chỗ đối lập một cách giáo điều giữa CNTB và CNXH; đồng nhất giản đơn giữa thời kỳ quá độ lên CNXH với CNXH, không thấy hết những sự vận động đầy khó khăn từ mầm mống phát sinh CNXH tới sự hình thành, phát triển, trưởng thành của CNXH; cái tất yếu chỉ là một nhưng sự vận động, sự bộc lộ của cái tất yếu và những hình thức, biện pháp thực hiện cái tất yếu ấy là vô số nhiều, lại đa dạng, với rất nhiều khác biệt lịch sử giữa các nước. Do không nhận thức như vậy nên đã giản lược hóa con đường và mô hình xây dựng CNXH vào một cái duy nhất, theo khuôn mẫu nước ngoài (Liên Xô), không chú ý đầy đủ đến điều kiện, hoàn cảnh lịch sử của nước mình, mặc dù Hồ Chí Minh đã có những chỉ dẫn sâu sắc từ rất sớm nhưng đã không được chú ý để thực hiện và vận dụng đầy đủ.

Thứ hai, nhận thức về mối quan hệ giữa cải tạo XHCN và xây dựng CNXH, về mục tiêu và con đường thực hiện mục tiêu của CNXH.

Cải tạo XHCN và xây dựng CNXH là hai phương diện hợp thành của tiến trình đi lên CNXH có quan hệ mật thiết với nhau không thể tách rời. Những

nhiệm vụ của thời kỳ quá độ được quy định từ thực tiễn và yêu cầu ấy. Quan điểm và phương thức của Đảng chỉ đạo quá trình cải tạo XHCN và xây dựng CNXH nhìn từ tổng thể là đúng đắn và rõ ràng. Đảng ta đặt ra vấn đề phải giữ đường lối độc lập tự chủ và phát huy cao độ tính chủ động sáng tạo, tự lực tự cường, tự lực cánh sinh nhưng đồng thời phải ra sức tranh thủ và tận dụng có hiệu quả sự ủng hộ, giúp đỡ của các nước anh em trong hệ thống các nước XHCN, đặc biệt là Liên Xô và Trung Quốc.

Muốn thực hiện thành công các nhiệm vụ cải tạo XHCN và xây dựng CNXH thì nhân tố quan trọng hàng đầu, có tính chất quyết định là phải đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng và tăng cường năng lực quản lý của Nhà nước, biết tập hợp lực lượng quần chúng, phát huy được sức mạnh đoàn kết của toàn Đảng, toàn dân, phát huy cao độ mọi năng lực sáng tạo của nhân dân trong công cuộc xây dựng chế độ mới, tất cả vì hạnh phúc của nhân dân.

Nhìn một cách tổng quát, thời kỳ trước đổi mới, nhận thức của Đảng về CNXH đã xác định đúng mục tiêu, bản chất của CNXH và quy mô to lớn cùng với nội dung toàn diện của sự nghiệp xây dựng CNXH ở nước ta. Mục tiêu, bản chất ấy là hướng tới giải phóng giai cấp, dân tộc và nhân dân ta, đưa nhân dân lao động tới địa vị của người chủ và làm chủ xã hội, đem lại cho họ cuộc sống vật chất và tinh thần ngày một đầy đủ và tốt đẹp hơn. Đó là một xã hội không có áp bức, bóc lột, mọi người được hưởng những quyền tự do, dân chủ và bình đẳng, được phát triển những khả năng của mình, có cuộc sống ấm no và hạnh phúc, trong sự phát triển hài hòa các mối quan hệ cá nhân - tập thể và xã hội.

Cùng với những nhận thức đúng đắn, những nhược điểm và hạn chế về lý luận trong quan niệm về CNXH và xây dựng CNXH ở Việt Nam thời kỳ trước đổi mới cũng được tác giả nhận diện, phân tích và nêu ra. Chẳng hạn như: Còn nhiều biểu hiện của nhận thức giáo điều, chủ quan, duy ý chí, vi phạm quy luật, làm sai quy luật; Chưa đặt đúng vị trí, vai trò của dân chủ với tư cách là một động lực quan trọng hàng đầu và là mục tiêu của CNXH; Đã không đánh giá đầy đủ vai trò của khoa học-kỹ thuật-công nghệ, đặc biệt không thấy hết vai trò của lý luận, của khoa học xã hội và nhân văn; Bị hạn chế bởi quan niệm tĩnh, khép kín, phát triển trong trạng thái đơn tuyến, chỉ trong phạm vi hệ thống XHCN, thậm chí trong trạng thái ốc đảo, biệt lập với thế giới; Chưa xác lập và thực hiện được hệ chính sách và giải pháp để phát huy nguồn lực con người, đặc biệt là nguồn lực trí tuệ;...

3. Tư duy lý luận của Đảng về CNXH và con đường đi lên CNXH trong thời kỳ đổi mới (1986-2011)

Trước hết, có thể nói, thành tựu đổi mới tư duy lý luận của Đảng về CNXH và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam qua 1/4 thế kỷ, từ năm 1986 tới nay cho thấy, nỗ lực sáng tạo của Đảng và của nhân dân ta trong việc từng bước tìm thấy những câu trả lời cho hiện tại - tương lai - triển vọng của CNXH ở nước ta, của nhân dân và dân tộc. Đó là:

Quy luật phát triển của cách mạng Việt Nam trong thời đại ngày nay là độc lập dân tộc gắn liền với CNXH.

Mục tiêu của đổi mới theo định hướng XHCN đồng thời là mục tiêu, bản chất của CNXH, của sự nghiệp xây dựng CNXH ở nước ta là dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam là một thời kỳ lịch sử lâu dài được đặc trưng bởi định hướng XHCN trong xây dựng nền kinh tế thị trường; tính chất, mục tiêu của CNXH được thể hiện trong xây dựng nền dân chủ, nhà nước pháp quyền, đổi mới và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị để không ngừng đảm bảo dân chủ và phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

Nhiệm vụ trung tâm của thời kỳ quá độ lên CNXH là đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên môi trường nhằm tạo lập cơ sở vật chất - kỹ thuật hiện đại của CNXH với *chiến lược công nghiệp hóa rút ngắn*, đảm bảo *giải phóng và phát triển* lực lượng sản xuất, xây dựng quan hệ sản xuất tiến bộ, phù hợp. Đó không chỉ là quá trình phát triển kỹ thuật-công nghệ mà còn là quá trình phát triển kinh tế-xã hội, quá trình phát triển văn hóa, xã hội con người - đạo đức - lối sống theo hệ giá trị của CNXH.

Nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam hành động của cách mạng Việt Nam là Chủ nghĩa Marx-Lenin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Xây dựng CNXH ở Việt Nam là xây dựng một xã hội kiểu mới sao cho đời sống vật chất ngày càng tăng, đời sống tinh thần ngày càng tốt, xã hội ngày càng văn minh, tiến bộ (Hồ Chí Minh).

CNXH ở Việt Nam và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam là làm sao cho CNXH và xây dựng CNXH *đúng quy luật, thuận lòng dân và hợp thời đại*, tạo ra sức mạnh tổng hợp của *khoa học, dân chủ và văn hóa*, thấm sâu vào tất cả các lĩnh vực của đời sống *kinh tế - chính trị - văn hóa - xã hội*, của *hệ thống chính trị*, thể hiện sức mạnh của chủ thể nhân dân do Đảng lãnh đạo và Nhà nước quản lý.

Trong phần này, tác giả cũng đã phân tích và chỉ ra những hạn chế và nguyên nhân nổi bật trong quá trình đổi mới tư duy lý luận của Đảng về CNXH và con đường đi lên CNXH ở nước ta hiện nay.

Về những hạn chế chủ yếu, đó là:

- Chưa làm rõ các đặc điểm của nước ta trong bước quá độ tới CNXH bỏ qua chế độ TBCN, cũng như chưa làm rõ vấn đề phân kỳ trong thời kỳ quá độ.

- Lý luận về kinh tế thị trường định hướng XHCN ở nước ta mới chỉ bắt đầu được nghiên cứu trong những năm gần đây còn nhiều điểm chưa rõ. Nhiều vấn đề về lý luận sở hữu, tính đa dạng các hình thức sở hữu, hình thức sở hữu với thành phần kinh tế, vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước (khu vực các doanh nghiệp nhà nước trong kinh tế quốc doanh), sở hữu tư nhân với sở hữu cá nhân, bóc lột và không bóc lột, cạnh tranh và hợp tác, quản lý hành chính nhà nước với quyền tự do, tự chủ trong sản xuất-kinh doanh theo pháp luật của các doanh nghiệp và doanh nhân,... chưa có những lý giải thấu đáo.

- Lý luận về Đảng Cộng sản cầm quyền và xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN của dân, do dân, vì dân, những đảm bảo dân chủ và phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong điều kiện một Đảng Cộng sản cầm quyền mới chỉ dừng lại ở hệ quan điểm, nguyên tắc và phương hướng chỉ đạo.

- Mặc dù nhận thức được vai trò quốc sách hàng đầu của khoa học-công nghệ và giáo dục-đào tạo, đã thấy rõ văn hóa là động lực của phát triển kinh tế-xã hội, là nền tảng tinh thần của xã hội, song chúng ta vẫn chưa có được những

chính sách và giải pháp đột phá để thúc đẩy phát triển khoa học-công nghệ, đặc biệt là lý luận và khoa học xã hội và nhân văn; chưa ngăn chặn được sự suy thoái chất lượng của giáo dục-đào tạo và tình trạng suy thoái ngày càng nghiêm trọng của đạo đức xã hội.

Về những nguyên nhân nổi bật, bao gồm:

Một là, thực tiễn đổi mới với những nhân tố mới của CNXH, của xã hội hiện đại ở nước ta còn đang trong quá trình phát sinh. Nhiều cái mới cần phải xây dựng và định hình lại hết sức mới lạ, chưa hề có tiền lệ trong lịch sử nước ta cũng như trong đời sống của CNXH thế giới nói chung.

Hai là, nước ta chưa có truyền thống về lý luận với sức mạnh của duy lý khoa học, phân tích và thực chứng, càng chưa phát triển mạnh khoa học dự báo. Trong khi đó, những ảnh hưởng tiêu cực và hậu quả nặng nề của bệnh giáo điều, chủ nghĩa kinh nghiệm, chủ nghĩa hình thức, những tàn dư của sự trì trệ, bảo thủ còn chưa được khắc phục hết.

Ba là, chưa xây dựng và thực hiện được cơ chế dân chủ trong hoạt động nghiên cứu lý luận, trong đời sống khoa học.

Bốn là, sự chỉ đạo, lãnh đạo của Đảng ở cấp Trung ương đối với nghiên cứu lý luận cũng chưa thường xuyên, đáp ứng yêu cầu đổi mới.

Năm là, nghiên cứu lý luận và phát triển khoa học xã hội và nhân văn chưa được triển khai rộng khắp và đồng bộ ở các địa phương, các ngành, các cấp, nhất là chưa thực sự trở thành đòi hỏi bức xúc, thành nhu cầu nội tại trong các cơ quan lãnh đạo, quản lý ở các địa phương □